

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Lê Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Bà Hòa Thị Thu Hà	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Phạm Đình Ngr	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
2. Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Hoàng Hoan	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2016)
4. Bà Trần Thị Thoán	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Anh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 05.01/2017BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2017, từ trang 6 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và

Tư vấn Tài chính Quốc tế

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.361.646.469.010	1.071.561.008.455
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	406.676.809.154	470.061.718.120
1. Tiền	111		121.149.572.757	242.393.182.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		285.527.236.397	227.668.535.270
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		455.567.565.640	363.509.670.487
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	221.225.458.631	103.363.445.699
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	184.015.378.614	169.259.565.534
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	51.025.438.748	91.048.764.635
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(698.710.353)	(162.105.381)
III. Hàng tồn kho	140	5.5	450.591.281.857	214.186.555.570
1. Hàng tồn kho	141		450.591.281.857	214.186.555.570
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.810.812.359	23.803.064.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.275.206.737	14.690.447.772
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.535.605.622	9.112.616.506
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.715.969.509.727	883.203.669.585
I. Tài sản cố định	220		1.434.278.060.008	636.532.208.633
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	1.338.477.950.662	595.375.421.956
- Nguyên giá	222		1.703.369.654.599	901.299.077.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(364.891.703.937)	(305.923.655.533)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	95.800.109.346	41.156.786.677
- Nguyên giá	228		100.838.674.433	45.206.131.504
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.038.565.087)	(4.049.344.827)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		214.999.542.284	191.159.377.412
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	214.999.542.284	191.159.377.412
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		44.338.667.000	42.587.327.201
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.10	44.338.667.000	42.587.327.201
IV. Tài sản dài hạn khác	260		22.353.240.435	12.924.756.339
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		22.332.919.192	12.925.115.705
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		20.321.243	(359.366)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.077.615.978.737	1.954.764.678.040

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.122.863.876.413	1.135.279.409.795
I. Nợ ngắn hạn	310		1.140.284.738.375	667.079.248.529
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	304.263.540.143	200.885.707.160
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	11.280.630.943	12.300.795.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.6	6.947.288.639	5.746.819.042
4. Phải trả người lao động	314		9.184.831.648	4.560.270.983
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.080.000.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	5.705.003.625	3.856.673.854
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	800.794.847.498	438.769.898.696
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.595.879	959.083.230
II. Nợ dài hạn	330		982.579.138.038	468.200.161.266
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	982.579.138.038	468.200.161.266
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		954.752.102.324	819.485.268.245
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	954.752.102.324	819.485.268.245
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		569.649.880.000	494.999.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		569.649.880.000	494.999.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.721.267.329	147.408.567.329
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		205.250.085	1.587.734.457
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.274.886.929	35.950.759.648
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		13.177.404.323	13.177.404.323
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		161.862.080.186	116.439.130.668
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		71.776.592.221	76.423.259.683
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		90.085.487.965	40.015.870.985
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.861.333.472	9.921.791.820
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.077.615.978.737	1.954.764.678.040



Phạm Anh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.145.496.749.447	1.616.048.818.116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.726.940.597	1.499.870.215
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2.143.769.808.850	1.614.548.947.901
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.836.734.397.150	1.424.741.156.735
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		307.035.411.700	189.807.791.166
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	30.198.848.862	22.394.967.435
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	53.927.481.929	49.991.756.319
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.284.472.139	24.065.811.358
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		1.751.339.799	3.381.873.750
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	56.882.135.462	75.230.050.612
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	62.622.750.100	41.608.410.264
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		165.553.232.870	48.754.415.156
12. Thu nhập khác	31		8.081.453.308	1.864.669.013
13. Chi phí khác	32		7.037.904.139	4.161.615
14. Lợi nhuận khác	40		1.043.549.169	1.860.507.398
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		166.596.782.039	50.614.922.554
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	23.692.445.025	10.029.634.651
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(20.680.603)	36.474.306
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		142.925.017.617	40.548.813.597
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		141.985.475.965	40.015.870.985
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		939.541.652	532.942.612
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.611	642
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	1.757	642



Phạm Anh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòa
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	166.596.782.039	50.614.922.554
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	92.958.744.347	83.358.285.094
Các khoản dự phòng	03	536.604.972	-
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	10.808.822.854	1.211.216.521
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.793.166.593)	(11.078.921.256)
Chi phí lãi vay	06	27.284.472.139	24.065.811.358
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	286.392.259.759	148.171.314.271
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(193.606.733.582)	(118.649.260.136)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(236.404.726.287)	(76.664.467.661)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	211.621.840.946	(54.674.388.479)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(15.992.562.452)	(11.267.697.290)
Tiền lãi vay đã trả	14	(27.284.472.139)	(24.065.811.358)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.514.289.760)	(3.294.062.793)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	82.589.244.341	73.798.102.941
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.631.006.599)	(6.702.806.645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	80.169.554.226	(73.349.077.150)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	(1.077.441.959.310)	(290.399.851.419)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	53.621.100.893	5.661.363.636
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	30.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.131.982.986	10.369.304.107
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.011.688.875.431)	(244.369.183.676)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	84.247.500.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.598.523.339.565	1.858.860.744.893
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.728.371.348.611)	(1.406.090.290.912)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(86.362.442.100)	(1.935.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	868.037.048.854	450.835.453.981
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(63.482.272.351)	133.117.193.155
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	470.061.718.120	336.807.716.067
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		97.363.385	136.808.898
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	406.676.809.154	470.061.718.120



Phạm Anh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 47 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 09 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0800373586 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 02 năm 2009. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 23 tháng 12 năm 2016.

Công ty có tên giao dịch: AN PHAT PLASTIC AND GREEN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là ANPHAT., JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Số B9, Ngách 6/106, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái (“Công ty con”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2009. Hiện tại, Công ty con đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200466372 thay đổi lần thứ 06 ngày 18 tháng 10 năm 2016.

Công ty con có tên giao dịch: AN PHAT - YEN BAI MINERAL & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là AnphatYenbaiM&P., JSC.

Trụ sở của Công ty con tại Khu công nghiệp phía nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

2. Công ty TNHH Nhựa Thakhek (“Công ty con”) là Công ty TNHH được thành lập theo Thỏa thuận phát triển dự án số 007/TSZ ngày 05 tháng 03 năm 2013 giữa Ban quản lý đặc khu kinh tế riêng biệt Thakhek, tỉnh Khammouane.

Công ty con có tên giao dịch là THAKHEK PLASTIC CO.,LTD.

Trụ sở của Công ty con tại Làng Vern, huyện Thakhek, tỉnh Khammouane, CHDCND Lào.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.690 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.479 người).

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 22 ngày 23 tháng 12 năm 2016, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 569.649.880.000 đồng tương đương với 56.964.988 cổ phần phổ thông và mệnh giá mỗi cổ phần phổ thông là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nhựa và bao bì nhựa các loại.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE);
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế, chuyên giao công nghệ;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô và các hoạt động phụ trợ cho vận tải;
- Hoạt động thu gom, xử lý tiêu hủy rác thải;
- Tái chế phế liệu; và
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất rác thải; sản xuất máy móc thiết bị phục vụ ngành nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Cây lấy năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	05
Tài sản cố định hữu hình khác	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất Nhà máy 1	50
Quyền sử dụng đất Nhà máy 2 và Nhà máy 3	25
Quyền sử dụng đất Nhà máy 5	40
Quyền sử dụng đất Nhà máy 6	47
Phần mềm máy vi tính	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Giá vốn bán hàng được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại thời điểm lập báo cáo, thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy số 1, Nhà máy số 2, Nhà máy số 3, hoạt động thương mại và hoạt động khác của Công ty là 20%. Nhà máy số 5 được miễn thuế 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	712.340.467	5.639.613.726
Tiền gửi ngân hàng	120.437.232.290	236.753.569.124
Các khoản tương đương tiền (*)	285.527.236.397	227.668.535.270
Cộng	406.676.809.154	470.061.718.120

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

- Các khoản tiền gửi của Công ty mẹ có tổng giá trị là 152.027.236.397 đồng với kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 5,5%/năm.
- Các khoản tiền gửi của Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái có tổng giá trị là 133.500.000.000 đồng với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,8%/năm.

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng trong nước	28.384.323.045	3.106.438.220
Phải thu khách hàng nước ngoài	192.841.135.586	100.257.007.479
Cộng	221.225.458.631	103.363.445.699

5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trả trước cho người bán trong nước	74.111.005.075	42.508.272.790
Trả trước cho người bán nước ngoài	109.904.373.539	126.751.292.744
Cộng	184.015.378.614	169.259.565.534

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tạm ứng	8.887.218.392	31.335.296.127
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	3.789.210.700	37.190.398.970
Thuế GTGT đề nghị hoàn	37.342.010.105	15.220.091.866
Phải thu khác	1.006.999.551	7.302.977.672
Cộng	51.025.438.748	91.048.764.635

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	26.925.196.561	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	326.621.163.150	-	159.052.899.529	-
Công cụ, dụng cụ	12.416.843.576	-	7.052.472.655	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.064.918.516	-	14.092.508.217	-
Thành phẩm	68.563.160.054	-	33.988.675.169	-
Cộng	450.591.281.857	-	214.186.555.570	-

5.6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/đã bù trừ trong năm		31/12/2016
	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	
Thuế giá trị gia tăng	-	117.765.316.971	117.764.449.323	867.648	
Thuế xuất nhập khẩu	-	514.546.574	514.546.574	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.712.736.437	23.692.445.025	22.514.289.760	6.890.891.702	
Thuế thu nhập cá nhân	34.082.605	1.711.438.014	1.689.991.330	55.529.289	
Các loại thuế khác	-	294.284.145	294.284.145	-	
Cộng	5.746.819.042	143.978.030.729	142.777.561.132	6.947.288.639	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2016
MẪU SỐ B09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Tài sản cố định hữu hình		Nhà cửa		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm,		Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
		VND	VND				súc vật làm việc	VND		
NGUYÊN GIÁ										
Tại ngày 01/01/2016	164.220.009.265	626.618.489.189	75.830.243.629	3.534.549.455	15.670.983.000	15.424.802.951	901.299.077.489			
Mua trong năm	-	588.024.776.840	59.550.669.259	3.296.498.141	-	4.520.696.953	655.392.641.193			
Đầu tư XD/CB hoàn thành	233.615.715.693	-	-	-	-	-	233.615.715.693			
Thanh lý, nhượng bán	-	(53.665.706.870)	(32.776.749.327)	-	-	-	(86.442.456.197)			
Giảm theo Thông tư 45	(61.882.718)	(222.599.880)	-	(92.840.981)	(118.000.000)	-	(495.323.579)			
Tại ngày 31/12/2016	397.773.842.240	1.160.754.959.279	102.604.163.561	6.738.206.615	15.552.983.000	19.945.499.904	1.703.369.654.599			
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Tại ngày 01/01/2016	35.992.810.841	237.775.537.490	24.429.975.502	1.091.283.810	3.952.219.581	2.681.828.309	305.923.655.533			
Khấu hao trong năm	10.307.816.316	68.625.589.524	10.345.342.800	437.540.610	832.317.922	1.398.615.681	91.947.222.853			
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.590.378.487)	(10.942.334.275)	-	-	-	(32.532.712.762)			
Giảm theo Thông tư 45	(61.882.718)	(222.599.880)	-	(92.840.981)	(69.138.108)	-	(446.461.687)			
Tại ngày 31/12/2016	46.238.744.439	284.588.148.647	23.832.984.027	1.435.983.439	4.715.399.395	4.080.443.990	364.891.703.937			
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày 01/01/2016	128.227.198.424	388.842.951.699	51.400.268.127	2.443.265.645	11.718.763.419	12.742.974.642	595.375.421.956			
Tại ngày 31/12/2016	351.535.097.801	876.166.810.632	78.771.179.534	5.302.223.176	10.837.583.605	15.865.055.914	1.338.477.950.662			

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.338.477.950.662 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 595.375.421.956 đồng). Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 40.454.211.554 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 16.858.546.268 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	45.053.245.844	152.885.660	45.206.131.504
Tăng trong năm	55.646.428.589	-	55.646.428.589
Giảm theo Thông tư 45	-	(13.885.660)	(13.885.660)
Tại ngày 31/12/2016	100.699.674.433	139.000.000	100.838.674.433
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	3.982.653.613	66.691.214	4.049.344.827
Khấu hao trong năm	967.439.256	35.666.664	1.003.105.920
Giảm theo Thông tư 45	-	(13.885.660)	(13.885.660)
Tại ngày 31/12/2016	4.950.092.869	88.472.218	5.038.565.087
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	41.070.592.231	86.194.446	41.156.786.677
Tại ngày 31/12/2016	95.749.581.564	50.527.782	95.800.109.346

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 86.854.847.778 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 32.211.525.109 đồng).

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nhà máy số 6 (Dự án 10ha)	161.966.410.420	190.120.286.503
- Xây dựng cơ bản dở dang	78.649.756.367	121.560.986.462
- Mua sắm máy móc thiết bị	83.316.654.053	68.559.300.041
Nhà máy số 7	41.809.579.319	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	40.297.183.319	-
- Mua sắm máy móc thiết bị	1.512.396.000	-
Nhà điều hành	4.181.074.545	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	4.181.074.545	-
Nhà máy sản xuất hạt nhựa	6.645.000.000	130.000.000
Cải tạo nhà máy số 2 và 3	223.746.000	909.090.909
Cải tạo nhà máy số 5	173.732.000	-
Cộng	214.999.542.284	191.159.377.412

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.10. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (VBC)	32.906.553.255	32.906.553.255
Cộng	32.906.553.255	32.906.553.255

Đây là khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát vào Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh dưới hình thức mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (Mã chứng khoán VBC). Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát nắm giữ 966.582 cổ phiếu tương đương với 32,22% số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh lưu hành. Công ty liên kết có hoạt động sản xuất kinh doanh chính là: sản xuất, mua, bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; In bao bì; Mua, bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Krapt, máy móc sản xuất bao bì...); Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh nhà ở... Công ty liên kết có địa chỉ tại số 18, Đường Phong Định Cảng, Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

5.11. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	478.917.344	123.949.400
Bảo hiểm xã hội	15.413.898	116.881.744
Bảo hiểm y tế	2.566.177	2.214.802
Bảo hiểm thất nghiệp	1.713.278	1.244.405
Tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	-	2.147.772
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	219.231.292	31.693.792
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.987.161.636	3.578.541.939
Cộng	5.705.003.625	3.856.673.854

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả nhà cung cấp nước ngoài	264.563.403.829	264.563.403.829	180.611.849.313	180.611.849.313
Phải trả nhà cung cấp trong nước	39.700.136.314	39.700.136.314	20.273.857.847	20.273.857.847
Cộng	304.263.540.143	304.263.540.143	200.885.707.160	200.885.707.160

5.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước nước ngoài	9.916.215.713	9.916.215.713	11.145.282.564	11.145.282.564
Người mua trả tiền trước trong nước	1.364.415.230	1.364.415.230	1.155.513.000	1.155.513.000
Cộng	11.280.630.943	11.280.630.943	12.300.795.564	12.300.795.564

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
 Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
 thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	800.794.847.498	800.794.847.498	2.032.611.896.466	1.670.586.947.664	438.769.898.696	438.769.898.696
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	276.223.354.303	276.223.354.303	690.247.187.690	639.401.203.243	225.377.369.856	225.377.369.856
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	171.628.133.601	171.628.133.601	426.273.967.488	329.829.335.450	75.183.501.563	75.183.501.563
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iii)	151.374.437.763	151.374.437.763	353.197.328.907	233.261.534.771	31.438.643.627	31.438.643.627
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương (iv)	99.576.454.817	99.576.454.817	271.235.838.125	216.268.402.407	44.609.019.099	44.609.019.099
- Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội (v)	37.681.324.615	37.681.324.615	94.732.024.255	76.856.464.385	19.805.764.745	19.805.764.745
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (vi)	30.146.984.505	30.146.984.505	78.964.554.067	48.817.569.562	-	-
- Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (vii)	30.096.673.200	30.096.673.200	87.664.963.214	87.699.864.820	30.131.574.806	30.131.574.806
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (viii)	4.067.484.694	4.067.484.694	30.296.032.720	38.452.573.026	12.224.025.000	12.224.025.000
Cộng	800.794.847.498	800.794.847.498	2.032.611.896.466	1.670.586.947.664	438.769.898.696	438.769.898.696

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Hải Dương theo:

- Hợp đồng hạn mức số 01.06/2016-HĐTDHM/NHCT340-ANPHAT ngày 01 tháng 06 năm 2015 với hạn mức cho vay là 350 tỷ đồng. Thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 đến ngày 31 tháng 05 năm 2017, lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

- Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 83/2016-HĐTDHM/KCNHD5 ngày 15 tháng 04 năm 2016; hạn mức tín dụng 60 tỷ đồng, nhận nợ bằng Đồng Việt Nam hoặc Đô La Mỹ. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 15 tháng 4 năm 2017, thời hạn vay vốn tối đa là 5 tháng đối với mỗi khế ước nhận nợ. Lãi suất vay được điều chỉnh 01 (một) tháng một lần. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định theo các hợp đồng thế chấp.

(ii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 160060/NHNTHD ngày 02 tháng 08 năm 2016 với hạn mức cho vay là 250 tỷ đồng, thời gian của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, phù hợp với lãi suất theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản với tổng trị giá 19.039.000.000 đồng.

(iii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng hạn mức số 01/2016/1347719/HĐTDHM ngày 25 tháng 05 năm 2016. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 31 tháng 05 năm 2017. Hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa bên vay, bên thứ ba với ngân hàng.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2016/31975334/HĐTD ngày 04 tháng 05 năm 2016 với tổng hạn mức tính dụng là 60 tỷ đồng, nhận nợ bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi. Thời gian duy trì hạn mức đến ngày 30 tháng 4 năm 2017, lãi suất vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích sử dụng khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo lãnh mở L/C. Lãi suất và các loại phí phát sinh được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hình thức bảo đảm tiền vay bằng hàng tồn kho, tài sản cố định và các hình thức bảo lãnh từ các bên thứ ba khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

(iv) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Dương theo:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2366.16.270.300401.TD ngày 13 tháng 01 năm 2016. Với hạn mức cho vay là 60 tỷ đồng, thời gian của hợp đồng hạn mức là 12 tháng, lãi suất vay phụ thuộc vào từng khế ước nhận nợ (4,8%/năm). Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 28230.16.270.300401.TD ngày 11 tháng 08 năm 2016. Với hạn mức cho vay là 130 tỷ đồng, thời gian cấp hạn mức tín dụng đến ngày 30/06/2017, lãi suất vay phụ thuộc vào từng khế ước nhận nợ, thời hạn các khoản hạn mức không được quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng thế chấp.

(v) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Bangkok Đại chúng - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số BBL-HN 07/2013 ngày 28 tháng 10 năm 2013, phụ lục bổ sung ngày 21 tháng 10 năm 2016 với hạn mức cho vay là 8.000.000 USD. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo khoản tiền gửi tại ngân hàng tương đương 10% số tiền của thư tín dụng kể từ ngày mở thư tín dụng đến ngày thanh toán khoản vay nhập khẩu dưới thư tín dụng đó.

(vi) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng hạn mức tín dụng số 733816/2016/HMTD/VPBANK - ANPHAT ngày 19 tháng 05 năm 2016 với hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời gian của hạn mức 12 tháng, lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ, phù hợp với lãi suất theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.

(vii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Citibank, N.A. Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng ngày 16 tháng 3 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 2.500.000 USD, mục đích của khoản vay để sử dụng cho tín dụng thư nhập khẩu, các nhu cầu cho vay thanh toán nhập khẩu, chiết khấu chứng từ xuất khẩu, và các nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn khác.

(viii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng số 130000142120/10 ngày 15 tháng 8 năm 2016, hạn mức 1.500.000 usd, thời gian của hạn mức không quá 12 tháng, lãi suất vay là MFC 3 tháng cộng 1,39%/năm với VND, là Libor 3 tháng cộng 2,15%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định trên hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	314.644.998.038	314.644.998.038	201.167.733.424	57.785.396.652	171.262.661.266	171.262.661.266
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (i)	120.300.000.000	120.300.000.000	68.000.000.000	14.000.000.000	66.300.000.000	66.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (ii)	105.934.685.106	105.934.685.106	84.886.662.224	13.223.316.932	34.271.339.814	34.271.339.814
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương (iii)	51.599.241.732	51.599.241.732	12.009.000.000	26.407.454.720	65.997.696.452	65.997.696.452
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iv)	27.385.000.000	27.385.000.000	26.846.000.000	4.154.625.000	4.693.625.000	4.693.625.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (v)	9.426.071.200	9.426.071.200	9.426.071.200	-	-	-
Vay cá nhân (vi)	92.606.640.000	92.606.640.000	92.606.640.000	-	-	-
- Nguyễn Thế Hiếu	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	-	-	-
- Các cá nhân khác	40.606.640.000	40.606.640.000	40.606.640.000	-	-	-
Trái phiếu phát hành (vii)	575.327.500.000	575.327.500.000	281.190.000.000	2.800.000.000	296.937.500.000	296.937.500.000
Cộng	982.579.138.038	982.579.138.038	574.964.373.424	60.585.396.652	468.200.161.266	468.200.161.266

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(i) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/1347719/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2015 với tổng số tiền là 70 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do đã đầu tư tài sản cố định trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,3%/năm, áp dụng lãi suất thỏa thuận thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2016/1347719/HĐTD ngày 23 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 68 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn tự có, cơ cấu tài chính do tham gia dự án đầu tư 12 máy thổi màng nhựa. Thời hạn vay trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm, áp dụng lãi suất thỏa thuận thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải, hàng tồn kho chậm luân chuyển.

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn phát sinh năm 2014 và năm 2015 với số tiền vay quy định trên từng hợp đồng và thời hạn vay từ 36 - 60 tháng. Mục đích sử dụng để phục vụ cho đầu tư mua sắm xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất từ 9,5%/năm - 10%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay quy định từng hợp đồng thế chấp đã ký. Chi tiết như sau:

- Hợp đồng vay trung và dài hạn 01/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 13 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 4.470.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để đầu tư xây dựng công trình máy che nhà máy số 5. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng vay trung và dài hạn 02/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 12 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 7.968.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng vay trung và dài hạn 03/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 18 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 9.886.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(ii) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng sau (Tiếp theo):

- Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 4/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 25 tháng 05 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 10.970.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay trung và dài hạn 06/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 06 tháng 06 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 2.800.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay trung và dài hạn 05.07/2016-HĐTDDA/NHCT340-ANPHAT ngày 05 tháng 07 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 8.800.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng Việt Nam đồng với lãi suất 8% năm. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay trung hạn số 297/2015/HĐTDDA/KCNHD5 ngày 27 tháng 11 năm 2015, giá trị vay tối đa là 15.000.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm. Mục đích sử dụng là để bù đắp chi phí dự án đầu tư 1 máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít, model TKH-175JP. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.
- Hợp đồng tín dụng số 218/2016/HSTDDA/KCNDS ngày 19 tháng 09 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 14.987.000.000 đồng. Khoản vay để nhập khẩu máy tạo hạt Taical 2 nòng trục vít model TKH-175JP. Thời hạn vay vốn trong 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp máy móc số 169/2015/HĐTC/KCNHD5 ngày 27 tháng 05 năm 2015 giữa ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương và Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát- Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(iii) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng vay trung và dài hạn với số tiền vay quy định từng hợp đồng và thời hạn từ 50 - 60 tháng. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng với lãi suất các khoản vay từ 10,5%/năm đến 13,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.139/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22/03/2016 với hạn mức tín dụng là 8.390.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 05 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

- Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng vay trung và dài hạn 660.184/2016/HĐTD -DB/PGBank ngày 22 tháng 04 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 3.619.000.000 đồng. Thời gian của hạn mức là 48 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích sử dụng là để phục vụ đầu tư mua sắm phương tiện vận tải. Toàn bộ khoản vay được giải ngân bằng tiền Việt Nam đồng. Lãi suất vay xác định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay được quy định riêng cho từng hợp đồng bao gồm: Tài sản hình thành từ vốn vay

(iv) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 150092/NHNTHD ngày 14 tháng 09 năm 2015 với tổng hạn mức là 784.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng để thanh toán tiền mua 01 con xe Camry phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay là lãi suất huy động tiết kiệm Việt Nam đồng cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay. Bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 160107/HNNTHD ngày 30 tháng 12 năm 2016 với tổng hạn mức là 20.000.000.000 đồng (20 tỷ đồng). Mục đích của khoản vay là thực hiện thanh toán các chi phí phát sinh khi thực hiện "Chương án đầu tư mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh". Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trong tháng 12 năm 2016 là 8,4%/năm và cố định trong 02 năm đầu tiên. Các năm tiếp theo xác định bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả sau cộng với mức biên (margin) là 2,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tiết kiệm có kỳ hạn số 04339616, kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương phát hành ngày 29/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(iv) Vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo các hợp đồng sau (Tiếp theo):

- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 160107/HNNTHD ngày 30 tháng 12 năm 2016 với tổng hạn mức là 20.000.000.000 đồng (20 tỷ đồng). Mục đích của khoản vay là thực hiện thanh toán các chi phí phát sinh khi thực hiện "Phương án đầu tư mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh". Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay phát sinh trong tháng 12 năm 2016 là 8,4%/năm và có định trong 02 năm đầu tiên. Các năm tiếp theo xác định bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam trả sau cộng với mức biên (margin) là 2,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số 04339616, kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương phát hành ngày 29/12/2016.

(v) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1347719/HĐTD ngày 05 tháng 12 năm 2016 với tổng số tiền là 1.995,00 USD, quy đổi là 44 tỷ đồng (đồng vay là USD). Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định là 20 máy thổi tốc độ cao. Lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 theo từng thời điểm. Khoản vay được đảm bảo bằng cách hình thức sau:

- Khoản ký quỹ trên tài khoản thanh toán tại Ngân hàng với số tiền là 4.500.000.000 đồng.

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 30331133.1TGKH/TCB tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương với số tiền là 5.136.590.000 đồng

(vi) Các khoản vay cá nhân có lãi suất 6,5%/năm để bổ sung vốn kinh doanh lưu động.

(vii) Các khoản vay trái phiếu theo các hợp đồng sau:

- Theo HĐ mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01 tháng 12 năm 2015 bên bán: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát, bên mua: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Trái phiếu được phát hành là Trái phiếu không chuyển đổi, có bảo đảm bằng tài sản và đính kèm theo chứng quyền. Trái phiếu và chứng quyền được tách riêng kể từ ngày phát hành và được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Với mỗi một chứng quyền nhận được, người sở hữu chứng quyền được quyền mua 100 cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành. Chứng quyền bắt đầu được thực hiện sau 12 tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu. Thời hạn thực hiện chứng quyền là ba năm kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Mục đích phát hành trái phiếu để đầu tư xây dựng nhà máy mới, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Số lượng trái phiếu phát hành là 300.000 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000 đồng/ trái phiếu. Với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được một (1) chứng quyền, tương ứng là 300.000 chứng quyền. Ngày phát hành 04 tháng 12 năm 2015 với kỳ hạn 03 năm, lãi suất 5,6%/ năm đầu tiên; Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng 1 lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đồng- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng; toàn bộ 966.582 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa bao bị Vinh do Công ty nắm giữ và 5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát do cá nhân nắm giữ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(vii) Các khoản vay trái phiếu theo các hợp đồng sau (Tiếp theo)

- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETTIBANK.HD ngày 06/09/2016 với bên mua: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Trái phiếu được phát hành với mục đích đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nilon số 6, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, số lượng 150 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/ trái phiếu. Ngày phát hành là 06/09/2016 với kỳ hạn 05 năm, lãi suất 7,0%/ năm đầu tiên, Kỳ điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng 1 lần và được xác định theo nguyên tắc bảng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 2,0%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ nhà máy số 6 tại cụm công nghiệp An Đông- Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng.
- Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 03/2016/VIETINBANK.KCNHD - ANPHATYENBAI ngày 20/10/2016 với bên mua: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Số lượng là 130 trái phiếu, mệnh giá 1 tỷ đồng/ trái phiếu. Ngân hàng mua trái phiếu với giá mua bằng 100% mệnh giá trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu là 5 năm với lãi suất cố định trong năm đầu tiên là 8%/năm. Các kỳ tính lãi sau áp dụng lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh một lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất trái phiếu đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Lãi được thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày phát hành. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần khi đáo hạn hoặc ngày mua lại trái phiếu trước hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,

thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	396.000.000.000	147.501.567.329	-	31.389.007.730	14.053.617.323	187.992.781.673	9.388.849.208	786.325.823.263
Vốn góp tăng trong năm	98.999.880.000	(93.000.000)	-	-	-	-	-	98.906.880.000
Tăng trong năm	-	-	1.587.734.457	-	-	40.015.870.985	532.942.612	42.136.548.054
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	4.561.751.918	-	(10.469.641.990)	-	(5.907.890.072)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(101.099.880.000)	-	(101.099.880.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(876.213.000)	-	-	(876.213.000)
Số dư tại ngày 31/12/2015	494.999.880.000	147.408.567.329	1.587.734.457	35.950.759.648	13.177.404.323	116.439.130.668	9.921.791.820	819.485.268.245
Vốn góp tăng trong năm (i)	74.650.000.000	13.312.700.000	-	-	-	(4.000.000.000)	-	83.962.700.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	141.985.475.965	-	141.985.475.965
Tăng trong năm (ii)	-	-	205.250.085	-	-	-	-	205.250.085
Phân phối lợi nhuận (iii)	-	-	-	2.324.127.281	-	(6.012.546.847)	939.541.652	(2.748.877.914)
Trả cổ tức năm 2015 (iii)	-	-	-	-	-	(34.649.991.600)	-	(34.649.991.600)
Tạm ứng cổ tức năm 2016 (iv)	-	-	-	-	-	(51.899.988.000)	-	(51.899.988.000)
Giảm khác (v)	-	-	(1.587.734.457)	-	-	-	-	(1.587.734.457)
Số dư tại ngày 31/12/2016	569.649.880.000	160.721.267.329	205.250.085	38.274.886.929	13.177.404.323	161.862.080.186	10.861.333.472	954.752.102.324

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(i) Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 22 ngày 23 tháng 12 năm 2016 với vốn điều lệ là 569.649.880.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1903/2016/NQ - ĐHD ngày 19 tháng 03 năm 2016, Công ty mẹ phát hành 400.000 cổ phiếu thưởng cho người lao động từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015.

(ii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh tăng trong năm là do việc chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty TNHH Nhựa Thakhek từ đồng Kíp Lào (LAK) về đồng tiền ghi sổ của Công ty mẹ là Đồng Việt Nam (VND) theo hướng dẫn tại Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

(iii) Việc phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ và Công ty con như sau:

Công ty mẹ: Phân chia các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1903/2016/NQ-ĐHD ngày 19 tháng 03 năm 2016, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 8,4%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và chia cổ tức trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2015 với tỷ lệ 86,6%.

Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái: Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2504/2016/NQ - ĐHD ngày 25 tháng 03 năm 2016, theo đó: Quỹ khen thưởng, phúc lợi 5%, Quỹ đầu tư phát triển 5% và sử dụng để bổ sung vốn lưu động 90% trên Lợi nhuận sau thuế của năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT
Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5.16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(iv) Việc tạm chia cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 021710/2016/NQ-ĐHĐ ngày 17 tháng 10 năm 2016 ký ngày 17 tháng 10 năm 2016, theo đó thông qua việc tạm chi cổ tức với tỷ lệ 10% lấy từ nguồn lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016.

Mệnh giá CP phổ thông tại 30 tháng 6 năm 2016

518.999.880.000

Tỷ lệ tạm chia cổ tức

10%

Cổ tức tạm chia

51.899.988.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Các giao dịch về vốn với Chủ sở hữu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	494.999.880.000	396.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	74.650.000.000	98.999.880.000
- Vốn góp cuối năm	569.649.880.000	494.999.880.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	86.549.979.600	124.799.880.000

c. Cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.964.988	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu phổ thông	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu phổ thông	56.964.988	49.499.988
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

5.17. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 02 (hai) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh thương mại và bộ phận cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên, trong năm 2016 Công ty có doanh thu cung cấp dịch vụ chiếm 0,03% tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Công ty có hoạt động tại Hải Dương, Yên Bái và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (CHDCND Lào). Hoạt động kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ được thực hiện tại tỉnh Hải Dương và tỉnh Yên Bái. Trong năm 2016, Công ty TNHH Nhựa Thakhek không phát sinh doanh thu.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tỉnh Hải Dương	2.053.147.861.011	1.521.961.578.921
Tỉnh Yên Bái	90.621.947.839	92.587.368.980
Cộng	2.143.769.808.850	1.614.548.947.901

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tỉnh Hải Dương	2.701.745.529.047	1.546.804.043.009	902.585.350.113	36.391.237.988
Tỉnh Yên Bái	362.737.111.148	212.278.011.672	42.069.435.362	21.957.519.909
Nước CHDCND Lào	13.133.338.542	195.682.623.359	-	-
Cộng	3.077.615.978.737	1.954.764.678.040	944.654.785.475	58.348.757.897

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.145.496.749.447	1.616.048.818.116
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán thành phẩm	1.818.239.968.392	1.479.133.809.216
- Doanh thu bán hàng hóa	326.510.366.055	134.456.596.502
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	746.415.000	2.458.412.398
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.726.940.597	1.499.870.215
- Giảm giá hàng bán	722.995.006	1.198.534.899
- Hàng bán bị trả lại	1.003.945.591	301.335.316
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.143.769.808.850	1.614.548.947.901

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán thành phẩm đã bán	1.528.321.331.144	1.294.778.621.643
Giá vốn bán hàng hóa đã bán	308.413.066.006	128.999.091.382
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	963.443.710
Cộng	1.836.734.397.150	1.424.741.156.735

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	5.365.908.986	5.536.394.107
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.766.074.000	4.832.910.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.066.865.876	12.025.663.328
Cộng	30.198.848.862	22.394.967.435

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đông,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	27.284.472.139	24.065.811.358
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	15.834.186.936	24.714.728.440
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	10.808.822.854	1.211.216.521
Cộng	53.927.481.929	49.991.756.319

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp và Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.775.605.888	4.276.349.916
Chi phí nhân công	19.308.222.468	15.077.334.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.142.907.605	7.611.713.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.385.117.512	7.490.526.237
Chi phí khác bằng tiền	10.941.422.893	7.152.486.377
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	69.473.734	-
Cộng	62.622.750.100	41.608.410.264
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.145.408.690	30.899.191.738
Chi phí nhân công	3.184.599.230	3.372.990.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.123.931.485	3.201.986.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.675.359.527	31.497.801.798
Chi phí khác bằng tiền	4.752.836.530	6.258.080.206
Cộng	56.882.135.462	75.230.050.612

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ tại Công ty mẹ	20.779.241.810	8.146.508.617
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ tại Công ty con	2.913.203.215	1.883.126.034
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.692.445.025	10.029.634.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.778.688.656.593	1.288.906.687.583
Chi phí nhân công	120.200.514.862	79.885.086.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.930.214.649	83.366.700.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.868.354.297	99.291.995.820
Chi phí khác bằng tiền	45.883.778.275	13.410.566.583
Cộng	2.167.571.518.676	1.564.861.037.549

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu /Lãi suy giảm trên cổ phiếu

a. Lợi nhuận (i)

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	141.985.475.965	40.015.870.985
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(7.969.612.748)	(3.365.085.835)
- Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo riêng của Công ty mẹ	130.649.389.312	54.758.545.610
- Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	6,1%	6,1%
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	134.015.863.217	36.650.785.150
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	134.015.863.217	36.650.785.150

(i) Theo hướng dẫn trình bày chỉ tiêu “mã số 70 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “mã số 71 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu” trên Báo cáo kết quả kinh doanh của thông tư 200, phần “Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu” được tính bằng “Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” trừ (-) “Quỹ khen thưởng phúc lợi được chia từ Lợi nhuận sau thuế”.

(ii) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 là số liệu thực tế Công ty mẹ đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1903/2016/NQ-ĐHĐ ngày 19 tháng 03 năm 2016. Tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 được giả định có tỷ lệ không đổi so với năm tài chính 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / Lãi suy giảm trên cổ phiếu

b. Số cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	49.499.988	39.600.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành năm 2016	1.821.736	9.899.988
Số cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành tại thời điểm cuối năm (i)	51.321.724	49.499.988
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	24.935.000	-
- Chứng quyền (*)	24.935.000	-
- Giấy nhận nợ có thể chuyển đổi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu suy giảm (i)	76.256.724	49.499.988

(*) Xem chi tiết tại thuyết minh số (vii) – 5.15 – Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

(i) Chi tiết số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân gia quyền trong năm 2016 như sau:

Ngày phát hành	Số cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ	Số cổ phiếu đã phát hành lũy kế	Thời gian lưu hành trong kỳ	Số cổ phiếu bình quân
01-01-16	49.499.988	49.499.988	366	49.499.988
27-04-16	783.330	50.283.318	249	532.921
03-05-16	800.000	51.083.318	243	531.148
04-05-16	816.670	51.899.988	242	539.984
12-12-16	1.600.000	53.499.988	20	87.432
13-12-16	216.000	53.715.988	19	11.213
15-12-16	1.184.000	54.899.988	17	54.995
16-12-16	1.465.000	56.364.988	16	64.044
31-12-16	-	56.364.988	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân				51.321.724

c. Lãi cơ bản trên cổ phiếu / Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.611	740
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.757	740
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14 và 5.15 trừ đi Tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	1.783.373.985.536	906.970.059.962
<i>Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>406.676.809.154</i>	<i>470.061.718.120</i>
Nợ thuần	1.376.697.176.382	436.908.341.842
Vốn chủ sở hữu	954.752.102.324	819.485.268.245
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	144,19%	53,31%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	406.676.809.154	470.061.718.120
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.762.976.326	157.059.705.983
Các khoản ký quỹ	3.789.210.700	37.190.398.970
Cộng	678.228.996.180	664.311.823.073
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	1.783.373.985.536	906.970.059.962
Phải trả người bán và phải trả khác	309.968.543.768	204.742.381.014
Chi phí phải trả	2.080.000.000	-
Cộng	2.095.422.529.304	1.111.712.440.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)

	Tài sản	
	31/12/2016 USD	01/01/2016 USD
Đô la Mỹ (USD)	10.522.202,41	11.116.022,66
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.166.288,97	6.651.809,70
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.355.913,44	4.464.212,96
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.684.863,74	1.033.950,65
Euro (EUR)	108.384,64	647,35
- Tiền và các khoản tương đương tiền	63.740,42	647,35
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.644,22	-
Bảng Anh (GPB)	89.800,65	1.096,67
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.864,12	1.096,67
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.936,53	-
Yên Nhật Bản (JYP)	5.930,00	55.060,00
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	55.060,00
Trung Quốc (CYN)	5.930,00	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	5.930,00	-
Đài Loan (TWD)	19.300,00	-
- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.300,00	-
Euro (EUR)	-	1.450,00
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.450,00
	Công nợ	
	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Đô la Mỹ (USD)	45.592.691,91	21.149.945,28
- Các khoản vay	33.522.915,11	12.652.492,09
- Phải trả người bán và phải trả khác	11.634.716,85	8.043.195,94
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	435.059,95	454.257,25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	406.676.809.154	-	406.676.809.154
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.762.976.326	-	267.762.976.326
Các khoản ký quỹ	3.789.210.700	-	3.789.210.700
Cộng	678.228.996.180	-	678.228.996.180
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	309.968.543.768	-	309.968.543.768
Chi phí phải trả	2.080.000.000	-	2.080.000.000
Các khoản vay	800.794.847.498	982.579.138.038	1.783.373.985.536
Cộng	1.112.843.391.266	982.579.138.038	2.095.422.529.304
Chênh lệch thanh khoản thuần	(434.614.395.086)	(982.579.138.038)	(1.417.193.533.124)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	470.061.718.120	-	470.061.718.120
Phải thu khách hàng và phải thu khác	157.059.705.983	-	157.059.705.983
Các khoản ký quỹ	37.190.398.970	-	37.190.398.970
Cộng	664.311.823.073	-	664.311.823.073
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	204.742.381.014	-	204.742.381.014
Các khoản vay	438.769.898.696	468.200.161.266	906.970.059.962
Cộng	643.512.279.710	468.200.161.266	1.111.712.440.976
Chênh lệch thanh khoản thuần	20.799.543.363	(468.200.161.266)	(447.400.617.903)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT**

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,
thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Khoản mục	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị	660.000.000	660.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	264.000.000	264.000.000
Lương và phụ cấp của Ban Tổng giám đốc	1.965.516.386	1.878.071.040
Cộng	2.889.516.386	2.802.071.040

7.3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

7.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Chỉ tiêu “Trái phiếu chuyển đổi” trên Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được phân loại lại tại chỉ tiêu “Vay và nợ tài chính dài hạn” theo nội dung hợp đồng mua bán trái phiếu số 324/2015/VIB-AAA ngày 01 tháng 12 năm 2015.

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	2.122.863.876.413	-	2.122.863.876.413
II. Nợ dài hạn	330	453.200.161.266	-	453.200.161.266
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	171.262.661.266	296.937.500.000	468.200.161.266
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	296.937.500.000	(296.937.500.000)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	3.077.615.978.737	-	3.077.615.978.737



Phạm Anh Dương
Chủ tịch HĐQT

Hải Dương, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Hòa Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe
Người lập